

Bản án số: 391/2024/HNGĐ -ST
Ngày: 22-7-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Kim Hoàng

2/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 238/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Lê Thanh Đ, sinh năm: 1999; địa chỉ: 27 đường số 25A, Phường J, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Kim H, sinh năm: 2000; Địa chỉ: 11 lầu 2 đường M, Phường B, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2024, bản tự khai ngày 31/5/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Lê Thanh Đ trình bày:

Ông và bà Nguyễn Kim H trước khi kết hôn có tìm hiểu quen nhau hai năm sau đó tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2021. Sau khi về sống chung với nhau thì vợ chồng ông sống tại nhà ba mẹ ruột của ông, khi sinh con được 03 (ba) tháng thì ông và bà H xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng không tìm được tiếng nói chung. Khi con ông và bà H được 01 (một) tuổi thì bà H đi làm tại Công ty bảo

hiềm AIA, từ khi đi làm thì bà H thường xuyên gây chuyện với ông về vấn đề tình cảm và tiền bạc nên đã nhiều lần đề xuất ly hôn. Ông đã nhiều lần hòa giải vì con còn nhỏ. Ngày 14/9/2023 bé Nguyễn Minh K (01 tuổi 08 tháng) đi khám tại Bệnh viện Nhi đồng Thành phố và bé được bệnh viện chuẩn đoán là bị rối loạn lan tỏa sự phát triển và rối loạn về lời nói và ngôn ngữ. Từ khi con bị bệnh thì vợ chồng ông ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Đến khi con được 02 (hai) tuổi thì bà H đã đề xuất ly hôn và đã viết sẵn đơn ly hôn, ông cũng đã ký vào đơn ly hôn nhưng sau đó bà H bỏ nhà đi nên không nộp đơn đến Tòa án.

Ông và bà H đã sống ly thân với nhau hơn một năm nay. Nay ông xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà H nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có với nhau 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Minh K, sinh ngày: 10/01/2022, hiện nay trẻ K đang sống cùng với ông và do ông chăm sóc. Vì vậy, ông yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Minh K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: không có

- Tại đơn trình bày ý kiến ngày 24/5/2024 và bản tự khai ngày 18/6/2024 bị đơn bà Nguyễn Kim H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Lê Thanh Đ cũng có thời gian tìm hiểu nhau và tiến đến kết hôn vào năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường J, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng bà đã cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không được vì vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không chia sẻ được với nhau. Hiện bà và ông Đ cũng đã sống ly thân một năm nay và cũng không liên lạc, nói chuyện với nhau.

Từ khi vợ chồng bà quyết định sống ly thân thì bà đã chuyển về nhà cha mẹ ruột ở địa chỉ 11 lầu 2 đường M, Phường B, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh sống. Trong quá trình chung sống, bà và ông Đ có 01 (một) con chung là Nguyễn Minh K – Sinh ngày: 10/01/2022, do tính chất công việc, bà phải thường xuyên đi tỉnh nên khi bà chuyển về nhà cha mẹ sống thì bà để lại trẻ Nguyễn Minh K cho ông Đ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Trong quá trình chung sống bà và ông Đ không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lê Thanh Đ về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Đ ly hôn với bà thì bà có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Lê Thanh Đ

- Về con chung: Bà đồng ý giao trẻ Nguyễn Minh K – Sinh ngày: 10/01/2022 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tuy nhiên vì là mẹ của cháu K nên bà vẫn có quyền được thăm nom cháu K và không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông Đ tự thỏa thuận giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Lê Thanh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Kim H. Về con chung: giao trẻ Nguyễn Minh K, sinh ngày: 10/01/2022 cho ông Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông Đ khai không có nên không đề cập giải quyết. Về án phí: ông Đ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Lê Thanh Đ có đơn yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Kim H nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn ông Nguyễn Lê Thanh Đ và bị đơn bà Nguyễn Kim H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ và bà H.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Ông Nguyễn Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Kim H có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 61, đăng ký ngày 29/10/2021 tại Ủy ban nhân dân Phường J, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa ông Đ và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Theo như lời trình bày của ông Nguyễn Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Kim H thì khi về sống chung với nhau thì vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn một năm nay .

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...*”. nhưng giữa vợ chồng ông Đ và bà H đã không có sự tôn trọng, quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Hơn một năm nay cả hai đã sống ly thân với nhau không ai còn quan tâm đến ai. Đồng thời bà H cũng nộp đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ ông Đ và bà H cũng không còn tha thiết để hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Cả hai đều thuận tình ly hôn với nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Kim H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định

cho ông Nguyễn Lê Thanh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Kim H là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông Đ và bà H xác định có với nhau 01 con chung là trẻ Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/01/2022. Ông Đ yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ K, bà H cũng đồng ý giao trẻ K cho ông Đ nuôi dưỡng. Hiện nay trẻ K đang sống chung với ông Đ và do ông Đ nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao trẻ Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/01/2022 cho ông Đ chăm sóc, nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Lê Thanh Đ có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi bà Nguyễn Kim H đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Đ khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Đ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Lê Thanh Đ

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Lê Thanh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Kim H

Giấy chứng nhận kết hôn số 61, đăng ký ngày 29/10/2021 tại Ủy ban nhân dân Phường J, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Kim H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: ông Nguyễn Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Kim H xác định có với nhau 01 con chung là trẻ Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/01/2022. Giao trẻ Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/01/2022 cho ông Đ nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Lê Thanh Đ có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi bà Nguyễn Kim H đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ông Đ và bà H khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Lê Thanh Đ nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009914 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Ông Đ đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: ông Nguyễn Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Kim H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND phường J, Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn